

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH THUẬN**

Số: 97/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công bố công khai quyết toán Ngân sách xã Bình Thuận năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8039/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Đại Từ về việc giao kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội năm 2021 huyện Đại Từ;

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã Bình Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Bình Thuận năm 2022 đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Thuận khóa XX, nhiệm kỳ 2021 – 2026 phê chuẩn tại kỳ họp thứ 7.

(Theo các biểu chi tiết đính kèm).

- Thời gian niêm yết từ ngày 18/7/2022 đến ngày 17/8/2022

Điều 2. Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính- Kế toán UBND xã Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBNDTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Thức

THUYẾT MINH

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ BÌNH THUẬN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã Bình Thuận)

I. Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022

1. Thu, chi ngân sách

Chỉ tiêu	Dự toán cấp trên giao	Số liệu quyết toán	Số đề nghị thẩm định quyết toán	So sánh	
				Số tương đối	Số tuyệt đối
1	2	3	4	5=4/2	6=4-2
A. Phần thu	6.135.354.000	9.621.139.854	9.621.139.854	156,81	3.485.785.854
I. Tổng thu cân đối	236.000.000	325.095.593	325.095.593	137,75	89.095.593
1. Phí, lệ phí	35.000.000	43.579.000	43.579.000	124,51	8.579.000
2. Thuế GTGT	63.000.000	46.595.830	46.595.830	73,96	-16.404.170
3. Thuế thu nhập cá nhân					0
4. Lệ phí trước bạ	88.000.000	153.603.497	153.603.497	174,55	65.603.497
5. Thu phạt tịch thu khác theo quy định					0
6. Thu thuế sử dụng đất PNN					0
7. Thu khác tại xã	50.000.000	81.317.266	81.317.266	162,63	31.317.266
II. Thu kết dư ngân sách		12.930.291	12.930.291		12.930.291
III. Thu quản lý qua ngân sách		0	0		0
IV. Thu chuyển nguồn	416.853.000	558.833.000	558.833.000	134,06	141.980.000
V. Thu trợ cấp	5.482.501.000	8.724.280.970	8.724.280.970	159,13	3.241.779.970
1. Trợ cấp cân đối	5.482.501.000	5.482.501.000	5.482.501.000	100,00	0
2. Trợ cấp mục tiêu		3.241.779.970	3.241.779.970		3.241.779.970
B. Phần chi	6.135.354.000	9.532.793.343	9.532.793.343	155,37	3.397.439.343
1. Chi đầu tư phát triển	0	2.526.670.200	2.526.670.200		
2. Chi thường xuyên	5.545.868.000	6.303.344.221	6.303.344.221	113,66	757.476.221
3. Dự phòng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100	
4. Chi chuyển nguồn	416.853.000	517.585.922	517.585.922	124,17	100.732.922
5. Tiết kiệm chi	72.633.000	72.633.000	72.633.000	100	0
6. Nộp trả ngân sách cấp trên		12.560.000	12.560.000		12.560.000

Tổng thu cân đối ngân sách xã được hưởng trong năm bằng 137,75% dự

toán giao. Tăng thu ngân sách sau khi loại trừ các khoản thu thanh lý tài sản công: 70.384.266 đồng, thu nộp trả vốn đầu tư ngân sách đã quyết toán: 1.283.000 đồng còn lại là: 17.428.327 đồng. Ủy ban nhân dân xã đã dành nguồn cải cách tiền lương: 12.200.000 đồng; Số còn lại để tồn quỹ: 5.228.327 đồng, kết dư ngân sách: 12.930.291 đồng.

Thu thuế GTGT đạt 73,9% là do chính sách miễn giảm thuế do dịch COVID.

2. Dự phòng ngân sách

Dự toán giao: 100.000.000 đồng; Đã chi: 100.000.000 đồng;

UBND xã đã thực hiện phân bổ chi dự phòng cho công tác phòng chống dịch covid 19 chưa có trong dự toán đầu năm 2022 phù hợp quy định Luật NSNN.

3. Nguồn cải cách tiền lương

- Tồn năm trước chuyển sang: 430.521.000 đồng.
- Nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang năm 2022 không sử dụng hết chuyển sang năm 2021 theo Kết luận của Kiểm toán: 40.313.682 đồng.
- 10% tiết kiệm chi trong năm: 72.633.000 đồng.
- 70% kết dư ngân sách năm 2021: 9.051.240
- 70% tăng thu: 12.200.000 đồng

5. Kết dư ngân sách năm 2022 chuyển sang năm 2023: 88.346.511 đồng

Trong đó:

- Nguồn thu thanh lý tài sản công: 70.384.266 đồng
- 30% tăng thu ngân sách: 5.228.327 đồng
- Nộp trả vốn đầu tư ngân sách đã quyết toán: 1.283.000 đồng
- 30% kết dư ngân sách năm 2021: 3.879.087 đồng
- Chi thường xuyên giao đầu năm: 7.571.831 đồng

6. Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 590.218.922 đồng.

- Trong đó:

- + Nguồn kinh phí tăng thêm theo NĐ 108/2021 cấp sau 30/9: 25.500.000 đồng
- + Nguồn CCTL năm 2022 chuyển sang 2023: 564.718.922 đồng.

7. Nguồn an sinh xã hội

*** Kinh phí chi cho công tác phòng chống dịch Covid:**

- + Tổng kinh phí đã chi: 400.963.445 đồng.

Trong đó:

- + Sử dụng nguồn dự phòng của xã là: 100.000.000 đồng.
- + Sử dụng nguồn kinh phí năm trước chuyển sang: 108.700.000 đồng. (Tổng số kinh phí chuyển nguồn sang năm 2022: 121.260.000 đồng, số đã chi 108.700.000 đồng, đã nộp trả ngân sách huyện: 12.560.000 đồng)
- + Ngân sách cấp trên hỗ trợ năm 2022: 145.700.000 đồng
- + Nguồn ngân sách xã: 46.563.445 đồng.

Nhìn chung, năm 2022 do dịch bệnh Covid-19 gây ảnh hưởng đến thu chi ngân sách, đặc biệt kinh phí cho phòng, chống dịch Covid-19 phát sinh rất lớn, tuy nhiên UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn điều hòa các nguồn vốn ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ của Trung ương, vì vậy về cơ bản đáp ứng được những nhu cầu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, các chế độ an sinh xã hội, đáp ứng đầy đủ kịp thời nguồn kinh phí cấp bách cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán.

Trên đây là thuyết minh quyết toán ngân sách xã Bình Thuận năm 2022, UBND xã Bình Thuận trân trọng báo cáo./



UBND XÃ BÌNH THUẬN

Biểu số 116/CK TC-NSNN



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	9.621.140	TỔNG SỐ CHI	9.532.793
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	112.696	I. Chi đầu tư phát triển	2.526.670
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	212.399	II. Chi thường xuyên	6.403.344
III. Thu bổ sung	8.724.281	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	590.219
- Bổ sung cân đối	5.482.501		
- Bổ sung có mục tiêu	3.241.780		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	12.930	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	12.560
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	558.833		
Kết dư ngân sách	88.347		



UBND XÃ BÌNH THUẬN

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.718.501	5.318.501	10.078.180	9.621.140	176	181
I	Các khoản thu 100%	148.000	148.000	171.492	171.492	116	116
	Phí, lệ phí	35.000	35.000	43.579	43.579	125	125
	Thuế giá trị gia tăng hộ cố định	63.000	63.000	46.596	46.596	74	74
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	50.000	50.000	81.317	81.317	163	163
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	488.000	88.000	610.644	153.603	125	175
I	Các khoản thu phân chia	488.000	88.000	610.644	153.603	125	175
	- Thuế thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	400.000	0	457.040		114	#DIV/0!
	- Thuế thu nhập từ sản xuất kinh doanh		0		0	#DIV/0!	#DIV/0!
	- Thuế thu nhập từ đầu tư cá nhân						
	- Hoàn thuế TNCN						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	88.000	88.000	153.603	153.603	175	175
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			558.833	558.833		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			12.930	12.930		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.082.501	5.082.501	8.724.281	8.724.281	172	172
	- Thu bổ sung cân đối	5.082.501	5.082.501	5.482.501	5.482.501	108	108

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			Số sánh QT/DT		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	6.135.354		6.135.354	9.532.793	3.116.889	6.415.904	155,4		104,6
	Trong đó									
1	Chi giáo dục			0			0			
2	Chi SN kinh tế	30.000		30.000	2.533.270	2.526.670	6.600	22,0		22,0
3	Chi SN y tế	91.188		91.188	85.824		85.824	94,1		94,1
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500		31.500	24.999		24.999	79,4		79,4
5	Chi phát thanh, truyền thanh			0	6.737		6.737	0,0		
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	15.598		15.598	69,3		69,3
7	Chi DQTV	468.321		468.321	583.200		583.200	124,5		124,5
8	Chi ANTT	374.688		374.688	405.279		405.279	108,2		108,2
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.149.041		4.149.041	4.908.475		4.908.475	118,3		118,3
10	Chi cho công tác xã hội	378.630		378.630	366.633		366.633	96,8		96,8
12	Dự phòng	100.000		100.000	0		0	0,0		0,0
13	Tiết kiệm chi 10%	72.633		72.633	0		0	0,0		0,0
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	416.853		416.853	0	590.219				

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01/ đến 31/12 2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
						Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách
TỔNG SỐ		4.975.173.638	5.233.260.546	4.719.819.154	4.970.335.154	2.526.670.200	0
1. Công trình chuyển tiếp		4.719.819.154	4.719.819.154	4.719.819.154	4.719.819.154	2.435.748.600	
Đường bê tông xi măng từ xóm Tiên Thành đi Trung đoàn 832 xã Bình Thuận	08/06/2021 - 20/10/2021	1.132.285.187		50.000.000	1.035.447.000	1.035.447.000	
Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Bình Thuận	21/07/2021 - 21/02/2022	1.648.283.853		100.000.000	908.000.000	908.000.000	
Điều chỉnh quy hoạch chung xã Bình Thuận	07/08/2021 - 21/03/2022	338.493.361		67.000.000	105.000.000	105.000.000	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Bình Thuận năm 2020 (Gói 3)	10/11/2021 - 28/12/2021	450.464.006	296.548.006	128.800.000	25.116.000	25.116.000	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Bình Thuận năm 2020 (Gói 2)	20/10/2021 - 28/12/2022	206.893.610	155.631.210		51.262.400	51.262.400	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Bình Thuận năm 2021 (Gói 2+Bổ sung)	01/11/2021 - 30/12/2021	763.957.392	513.441.392		250.516.000	250.516.000	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Bình Thuận năm 2021 (Gói 1)	20/11/2021 - 31/12/2021	179.441.745	119.034.545		60.407.200	60.407.200	
2. Công trình khởi công mới		255.354.484	164.432.884		90.921.600	90.921.600	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Bình Thuận năm 2022 (Gói 1)	01/10/2022 - 31/12/2022	255.354.484	164.432.884		90.921.600	90.921.600	
Tổng cộng		4.975.173.638	1.249.088.037	345.800.000	2.526.670.200	2.526.670.200	

UBND XÃ BÌNH THUẬN

Biểu số 120/CK TC-NSNN



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỶ	THU	CHI	CHENH LỆCH (+) (-)
A	Hoạt động quỹ công chuyên dùng	129.481.000	224.023.000	238.625.000	114.879.000
1	- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	37.550.500	11.327.000	22.594.000	26.283.500
2	- Quỹ bảo trợ trẻ em	1.560.000	10.455.000	8.982.000	3.033.000
3	- Quỹ vì người nghèo	15.911.500	11.148.000	5.200.000	21.859.500
4	- Quỹ nhân đạo	22.898.000	10.558.000	9.000.000	24.456.000
5	- Quỹ chăm sóc người cao tuổi	24.611.000	14.931.000	15.150.000	24.392.000
6	- Quỹ khuyến học	26.950.000		17.300.000	9.650.000
7	- Lắp đặt dụng cụ thể thao, camera an ninh		165.604.000	160.399.000	5.205.000
B	Thu hộ		12.865.000	12.865.000	
1	- Quỹ phòng chống thiên tai		12.865.000	12.865.000	
C	Chi hộ	46.462.000	84.192.446	88.741.446	41.913.000
1	- Thù lao thu BHYT, BHXH tự nguyện	4.529.000	37.002.037	41.531.037	
2	- Nghĩa trang liệt sỹ	41.913.000			41.913.000
3	- Hỗ trợ mua bàn ghế học sinh	20.000		20.000	
4	- Hỗ trợ phòng chống dịch covid-19		22.310.000	22.310.000	
5	- Thanh lý cầu treo Bình Xuân, Đầm Mụ		24.880.409	24.880.409	
	Tổng cộng	175.943.000	321.080.446	340.231.446	156.792.000